

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 196/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 835/TTr-STC ngày 30 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính,

Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT.Tỉnh Ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình An Giang;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- LĐVP, các đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, hvathien.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trung Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số 84/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra; lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra; nội dung, trình tự kiểm tra; tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra; theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
3. Các cơ quan chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương đặt tại tỉnh An Giang (ngành dọc).
4. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm toán nhà nước của cơ quan có thẩm quyền; hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan khác có thẩm quyền.
3. Bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục; không gây cản trở, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
4. Ưu tiên áp dụng hình thức kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.
5. Miễn kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

6. Đối với doanh nghiệp trong Khu kinh tế và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, việc kiểm tra phải có sự phối hợp, thống nhất với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc để đảm bảo đúng thẩm quyền quản lý nhà nước chuyên ngành. Trong quá trình kiểm tra, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc là cơ quan phối hợp và đầu mối cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp để tránh chồng chéo giữa các cơ quan.

Chương II

THẨM QUYỀN; HÌNH THỨC, THỜI HẠN, TẦN SUẤT KIỂM TRA; LẬP, PHÊ DUYỆT; ĐIỀU CHỈNH; CÔNG KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA

Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kiểm tra đối với các trường hợp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều cấp quản lý; các trường hợp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền kiểm tra theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Giám đốc Sở Tài chính có thẩm quyền kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp.

4. Thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi được giao tham mưu thuộc phân cấp quản lý.

5. Việc kiểm tra phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng phạm vi quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh, không làm phát sinh thủ tục hành chính ngoài quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức kiểm tra

1. Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất.

a) Kiểm tra theo kế hoạch được tiến hành theo kế hoạch kiểm tra đã được ban hành theo quy định.

b) Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền kiểm tra có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao hoặc đề nghị.

2. Hoạt động kiểm tra được tiến hành trực tiếp, trực tuyến, từ xa thông qua hồ sơ, tài liệu, hệ thống dữ liệu điện tử. Hoạt động kiểm tra trực tuyến, từ xa được thực hiện theo quy định Chính phủ.

Điều 6. Thời hạn và tần suất kiểm tra

1. Thời hạn kiểm tra:

a) Đối với cuộc kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính Sở Tài chính tổ chức thực hiện: Thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần, không quá 05 ngày.

b) Đối với cuộc kiểm tra của Thủ trưởng cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thực hiện thì thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày.

c) Đối với cuộc kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tổ chức thực hiện: Thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần, không quá 03 ngày.

d) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

2. Tần suất kiểm tra đối với cùng một đối tượng không quá 01 lần/năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

Điều 7. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra

1. Sở Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch.

3. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Sở Tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã phải gửi Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra có liên quan để xử lý chồng chéo, trùng lặp.

4. Kế hoạch kiểm tra chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

5. Điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề

a) Xuất phát từ yêu cầu, mục đích kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên đề có thể được điều chỉnh thì:

- Sở Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề;

- Trưởng phòng Phòng Kinh tế hoặc Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề.

b) Kế hoạch kiểm tra chuyên đề sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phải gửi cho Thanh tra tỉnh và cơ quan thanh tra có liên quan (nếu có) để xử lý chồng chéo, trùng lặp, trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

c) Kế hoạch kiểm tra chuyên đề sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phải gửi cho đối tượng thuộc kế hoạch kiểm tra về nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra, thời kỳ kiểm tra chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch kiểm tra chuyên đề điều chỉnh được ban hành.

Điều 8. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp

a) Quyền thành lập doanh nghiệp, nghĩa vụ đăng ký doanh nghiệp.

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

c) Kê khai trụ sở của doanh nghiệp.

d) Góp vốn của chủ sở hữu, các thành viên, cổ đông theo cam kết.

đ) Quản lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

e) Thực hiện việc thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp.

g) Các nội dung quản lý nhà nước khác có liên quan về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Kiểm tra về đăng ký hộ kinh doanh

a) Quyền và nghĩa vụ của chủ hộ kinh doanh và thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh.

c) Góp vốn đầu tư của hộ kinh doanh.

d) Thực hiện việc thay đổi các nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

đ) Kê khai và nộp thuế của hộ kinh doanh; tuân thủ các quy định về an ninh trật tự trong quá trình kinh doanh. Đảm bảo hộ kinh doanh tuân thủ các quy định khác liên quan đến hoạt động kinh doanh như quy định về môi trường, an toàn thực phẩm và các nội dung quản lý nhà nước khác về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 9. Trình tự kiểm tra

1. Ban hành quyết định kiểm tra

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy trình này ban hành quyết định kiểm tra.

b) Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra:

- Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật, sự cố, sự kiện dấu hiệu bất thường hoặc theo yêu cầu quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước.

- Theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.
- Theo kế hoạch kiểm tra chuyên đề (nếu có).

c) Nội dung quyết định kiểm tra:

- Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra.
- Phạm vi, nội dung kiểm tra.
- Đối tượng kiểm tra.
- Thời hạn kiểm tra.
- Thành phần Đoàn kiểm tra.

d) Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật quả tang thì tiến hành kiểm tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Thành lập Đoàn kiểm tra

a) Người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy trình này quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra gồm: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

b) Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành được bồi dưỡng về nghiệp vụ kiểm tra chuyên ngành.

3. Ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra

a) Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng và ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt.

b) Kế hoạch tiến hành kiểm tra có các nội dung gồm: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra.

4. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm

a) Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và thông báo chương trình làm việc.

b) Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan.

c) Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, xử lý kết quả kiểm tra

- Đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra, nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan, nội dung kiểm tra, kết quả xác minh, ý kiến của đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Biên bản kiểm tra có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và tổ

chức, cá nhân có liên quan (nếu có). Trường hợp đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản kiểm tra thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc đối tượng kiểm tra không ký vào biên bản.

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, Đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản vi phạm, đề xuất và thực hiện các biện pháp xử lý theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm có tính chất nghiêm trọng, phức tạp hoặc vượt thẩm quyền xử lý, cơ quan kiểm tra chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp qua kiểm tra mà chưa đủ thẩm quyền để xem xét, đánh giá, làm rõ thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra chuyên ngành để yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan thanh tra có thẩm quyền tiến hành thanh tra.

- Trường hợp phát hiện dấu hiệu tội phạm, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Việc xử lý sau kiểm tra phải bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.

d) Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện trực tiếp tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

Điều 10. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật có liên quan, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra chuyên ngành (nếu có); trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành.

Chương III

CÔNG TÁC PHỐI HỢP, CHIA SẺ THÔNG TIN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA NỘI DUNG VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 11. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp

1. Nội dung phối hợp

a) Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Phối hợp yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Công tác phối hợp của các cơ quan liên quan trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

a) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính đề thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

c) Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, Sở Tài chính gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cần xác định giả mạo và cơ quan công an để thực hiện giám định tư pháp. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan công an có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Công tác phối hợp của các cơ quan liên quan trong xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

a) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản Sở Tài chính về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính để giám sát việc chấp hành yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 12. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh

đối với hộ kinh doanh

1. Nội dung phối hợp

a) Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

b) Phối hợp yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Công tác phối hợp của các cơ quan liên quan trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

a) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hộ kinh doanh.

c) Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là giả mạo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cần xác định giả mạo và cơ quan công an về giám định tư pháp. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan công an có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Công tác phối hợp của các cơ quan liên quan trong xử lý hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

a) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan phối hợp với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giám sát việc chấp hành yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh của hộ kinh doanh.

Chương IV

THEO DÕI, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA; ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA

Điều 13. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành kiểm tra đối với

doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Thủ trưởng cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp theo dõi tiến độ và chất lượng kiểm tra:

- a) Đối chiếu kế hoạch kiểm tra được phê duyệt với thực tế triển khai.
- b) Kiểm soát thời hạn thực hiện, tránh kéo dài, chồng chéo.
- c) Đánh giá việc tuân thủ quy trình, nguyên tắc kiểm tra và các quy định tại Quy trình này.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hành vi vi phạm của thành viên Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy trình hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với quy định của pháp luật trong quá trình kiểm tra.

Điều 14. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra

1. Khuyến khích hình thức kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử, qua đó yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ kiểm tra. Chỉ thực hiện kiểm tra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi việc kiểm tra từ xa không đủ căn cứ hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm rõ ràng cần xác minh thực tế.

2. Các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để phục vụ hoạt động kiểm tra, bao gồm: cơ quan thuế, cơ quan công an, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý chuyên ngành khác. Việc phối hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu được thực hiện thông qua các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc theo cơ chế trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật và các quy chế phối hợp đã được ban hành.

4. Việc sử dụng dữ liệu phải bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Kết quả kiểm tra được cập nhật, công khai (nếu không thuộc danh mục bí mật nhà nước) trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan kiểm tra hoặc hệ thống thông tin có liên quan theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động kiểm tra

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

2. Sở Tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức, theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Trong quá trình tiến hành hoạt động kiểm tra, trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp về đối tượng, thời gian, nội dung với các hoạt động thanh tra, kiểm tra khác đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cơ quan thực hiện kiểm tra chủ động báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp, phối hợp xử lý theo quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Tài chính về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh thuộc phạm vi quản lý. Nội dung báo cáo bao gồm:

- Tình hình xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra.
- Số lượng cuộc kiểm tra đã thực hiện.
- Kết quả kiểm tra, tình hình phát hiện và xử lý vi phạm.
- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

- Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát sinh vụ việc phức tạp, có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc môi trường đầu tư trên địa bàn.

3. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tổng hợp, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy trình này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy trình để đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế./.
